

Số: 06/2026/TB.BCN

Đồng Nai, ngày 12 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

“V/v Đề nghị thực hiện nghĩa vụ đóng phí thành viên”

Kính gửi : Quý Luật sư thành viên Đoàn Luật sư thành phố Đồng Nai

Thực hiện Nghị quyết 05/NQ - HĐLSTQ ngày 28/8/2022 của Hội đồng Luật sư toàn quốc quy định về mức phí thành viên. Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư thành phố Đồng Nai thông báo đến Trưởng các tổ chức hành nghề Luật sư, Quý Luật sư đồng nghiệp về việc thực hiện nghĩa vụ đóng phí thành viên, như sau:

1. Hiện một số luật sư nợ phí thành viên trên 18 tháng vẫn chưa thực hiện nộp phí thành viên theo quy định (*danh sách đính kèm*). Ban Chủ nhiệm đề nghị Quý luật sư còn nợ phí thực hiện nghĩa vụ nộp phí thành viên, thời hạn nộp phí đến ngày **30/5/2026**.

2. Quý luật sư chưa nộp phí thành viên năm 2025 cần thực hiện nộp phí thành viên theo quy định thời hạn nộp phí đến ngày **30/5/2026**.

3. Hình thức và nội dung nộp phí:

- **Chủ tài khoản:** Đoàn Luật sư thành phố Đồng Nai
- **Số tài khoản:** 8686703979
- **Ngân hàng:** TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Đồng Nai
- **Nội dung chuyển khoản:** Ghi rõ *Họ tên Luật sư – Số thẻ Luật sư – Đóng phí thành viên năm*.

4. Sau thời hạn nêu trên, đối với các trường hợp chưa thực hiện nghĩa vụ đóng phí thành viên từ 18 tháng trở lên, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 42 Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Ban Chủ nhiệm sẽ xóa tên khỏi danh sách Đoàn luật sư.

Đề nghị quý Luật sư cần thực hiện nộp phí thành viên theo quy định, theo đúng thời hạn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám sát;
- HĐKTKL(p/h);
- Lưu VP - ĐLS

**TM. BAN CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Luật sư Nguyễn Văn Cận

DANH SÁCH LUẬT SƯ NỢ PHÍ TỪ 18 THÁNG TRỞ LÊN
(Cập nhật đến ngày 30/4/2026)

Stt	Danh sách LS	Số thẻ LS	Số tiền	Thời gian nợ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Ảnh	13099	3.300.000	22 tháng (T7-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
2	Nguyễn Thụy Thùy Ngân	8720	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
3	Lê Văn Bá	6415	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
4	Nguyễn Kim Xuân	9684	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
5	Trịnh Thị Miên	15366	3.600.000	24 tháng (T5-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
6	Nguyễn Tùng Thịnh	13459	2.950.000	20 tháng (T9-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
7	Võ Tấn Lực	11226	3.300.000	22 tháng (T7-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
8	Phan Văn Chính	14147	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
9	Đặng Tiến Tân	7644	6.000.000	40 tháng (năm 2023 + năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
10	Nguyễn Thành Ngôn	9571	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
11	Nguyễn Đức Thắng	874	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
12	Huỳnh Như Hiền	9988	3.300.000	22 tháng (T7-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
13	Trần Thanh Hải	9985	4.800.000	32 tháng (T9-12/2023, năm 2024, năm 2025, T1-T4/2026)	
14	Mai Thị Ngọc Sương	11436	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
15	Đặng Bá Chinh	5583	3.300.000	22 tháng (T7-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
16	Đình Cường Lân	6498	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
17	Nguyễn Đình Hải	795	3.600.000	24 tháng (T5-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
18	Trần Thị Minh Khánh	8473	4.200.000	28 tháng (năm 2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
19	Nguyễn Hiền	17188	3.300.000	22 tháng (T7-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	
20	Trần Hùng Vĩ	18576	3.300.000	22 tháng (T7-T12/2024 + năm 2025 + T1-T4/2026)	



Stt	Danh sách LS	Số thẻ LS	Số tiền	Thời gian nợ	Ghi chú
21	Nguyễn Văn Tâm	20811	4.050.000	27 tháng (T2 -T12/2024, năm 2025 + T1-T4/2026)	
22	Trần Đức Long	417	7.000.000	44 tháng (T8-T12/2022,2023,2024,2025 đến T4/2026)	
23	Trần Thị Bảo Nga	455	12.000.000	64 tháng (năm 2021,2022,2023,2024,2025 đến T4/2026)	
24	Lê Nguyên Đán	428	13.500.000	70 tháng (T7 -T12/2020, năm 2021,2022,2023,2024,2025 đến T4/2026)	
25	Nguyễn Duy Việt	17292	9.000.000	52 tháng (năm 2022,2023,2024,2025 đến T4/2026)	
26	Lê Quốc Hoàng	17387	4.500.000	30 tháng (T11-T12/2023, năm 2024, năm 2026, T1-T4/2026)	
27	Nguyễn Đình Mạnh	21002	4.050.000	27 tháng (T2 -T12/2024, năm 2025 + T1-T4/2026)	
28	Nguyễn Hoàng Thái	8011	4.800.000	32 tháng (T9-12/2023, năm 2024, năm 2025, T1-T4/2026)	
29	Phạm Hữu Hương	20271	4.950.000	33 tháng (T8-T12/2023, năm 2024,năm 2025, T1-T4/2026)	
30	Trần Hữu Chính	15301	4.800.000	32 tháng (T9-12/2022, năm 2023, năm 2024, T1-T4/2026)	đã nộp năm 2025
31	Trần Quang Phương	449	4.500.000	30 tháng (T11-T12/2023, năm 2024, năm 2025, T1-T4/2026)	
Tổng cộng			151.700.000		

